

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020;

Theo Văn bản số 412/BNN-VPĐP ngày 14/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 19/TTr-SKHĐT ngày 13/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020, trên địa bàn tỉnh, với tổng số tiền là 259.560 triệu đồng (*Hai trăm năm mươi chín tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng*). Chi tiết có phụ lục kèm theo.

Điều 2.

- Các Chủ đầu tư đăng ký danh mục đầu tư sử dụng nguồn vốn được phân bổ quy định tại Điều 1, thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình UBND tỉnh cho chủ trương trước khi triển khai thực hiện.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát danh mục đầu tư của các địa phương theo đúng quy định; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện thị xã, thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu VT, K19. (M.24b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

PHỤ LỤC

PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Hệ số ưu tiên	Kế hoạch vốn năm 2020	Đầu mối giao kế hoạch
	TỔNG CỘNG		259.560	
I	Thành phố Quy Nhơn		4.384	
1	Xã Nhơn Lý	1	1.096	UBND thành phố Quy Nhơn
2	Xã Phước Mỹ	1	1.096	
3	Xã Nhơn Châu	1	1.096	
4	Xã Nhơn Hải	1	1.096	
II	Huyện Vân Canh		26.304	
1	Xã Canh Vinh	4	4.384	UBND huyện Vân Canh
2	Xã Canh Thuận	4	4.384	
3	Xã Canh Hiền	4	4.384	
4	Xã Canh Hòa	4	4.384	
5	Xã Canh Hiệp	4	4.384	
6	Xã Canh Liên	4	4.384	
III	Huyện Tuy Phước		15.344	
1	Xã Phước An	1	1.096	UBND huyện Tuy Phước
2	Xã Phước Nghĩa	1	1.096	
3	Xã Phước Hưng	1	1.096	
4	Xã Phước Lộc	1	1.096	
5	Xã Phước Thành	1	1.096	
6	Xã Phước Quang	1	1.096	
7	Xã Phước Hiệp	1	1.096	
8	Xã Phước Hòa	1	1.096	
9	Xã Phước Sơn	1	1.096	
10	Xã Phước Thuận	1	1.096	
11	Xã Phước Thắng	4	4.384	
IV	Thị xã An Nhơn		10.960	
1	Xã Nhơn Lộc	1	1.096	UBND thị xã An Nhơn
2	Xã Nhơn An	1	1.096	
3	Xã Nhơn Phúc	1	1.096	
4	Xã Nhơn Thọ	1	1.096	
5	Xã Nhơn Phong	1	1.096	
6	Xã Nhơn Khánh	1	1.096	
7	Xã Nhơn Mỹ	1	1.096	

8	Xã Nhơn Hậu	1	1.096	
9	Xã Nhơn Hạnh	1	1.096	
10	Xã Nhơn Tân	1	1.096	
V	Huyện Tây Sơn		18.194	
1	Xã Tây Thuận	1	1.096	UBND huyện Tây Sơn
2	Xã Bình Hòa	1	1.096	
3	Xã Bình Tường	1	1.096	
4	Xã Tây Xuân	1	1.096	
5	Xã Bình Nghi	1	1.096	
6	Xã Bình Thuận	1	1.096	
7	Xã Tây An	1	1.096	
8	Xã Tây Bình	1	1.096	
9	Xã Tây Vinh	1	1.096	
10	Xã Tây Phú	1	1.096	
11	Xã Bình Thành	1,3	1.425	
12	Xã Bình Tân	1,3	1.425	
13	Xã Vĩnh An	4	4.384	
VI	Huyện Vĩnh Thạnh		35.072	
1	Xã Vĩnh Quang	4	4.384	UBND huyện Vĩnh Thạnh
2	Xã Vĩnh Thuận	4	4.384	
3	Xã Vĩnh Thịnh	4	4.384	
4	Xã Vĩnh Hiệp	4	4.384	
5	Xã Vĩnh Hảo	4	4.384	
6	Xã Vĩnh Hòa	4	4.384	
7	Xã Vĩnh Sơn	4	4.384	
8	Xã Vĩnh Kim	4	4.384	
VII	Huyện Phù Cát		24.770	
1	Xã Cát Trinh	1	1.096	UBND huyện Phù Cát
2	Xã Cát Tài	1	1.096	
3	Xã Cát Hiệp	1	1.096	
4	Xã Cát Hạnh	1	1.096	
5	Xã Cát Lâm	1	1.096	
6	Xã Cát Hưng	1	1.096	
7	Xã Cát Tường	1	1.096	
8	Xã Cát Tân	1	1.096	
9	Xã Cát Nhơn	1	1.096	
10	Xã Cát Thành	1	1.096	
11	Xã Cát Khánh	1	1.096	
12	Xã Cát Minh	1	1.096	
13	Xã Cát Sơn	1,3	1.425	
14	Xã Cát Thắng	1,3	1.425	
15	Xã Cát Hải	4	4.384	

16	Xã Cát Chánh	4	4.384	
VIII	Huyện Phù Mỹ		34.634	
1	Xã Mỹ Hiệp	1	1.096	UBND huyện Phù Mỹ
2	Xã Mỹ Lộc	1	1.096	
3	Xã Mỹ Hoà	1	1.096	
4	Xã Mỹ Tài	1	1.096	
5	Xã Mỹ Trinh	1	1.096	
6	Xã Mỹ Quang	1	1.096	
7	Xã Mỹ Châu	1	1.096	
8	Xã Mỹ Cát	1	1.096	
9	Xã Mỹ Thọ	1	1.096	
10	Xã Mỹ Chánh Tây	1,3	1.425	
11	Xã Mỹ Phong	1,3	1.425	
12	Xã Mỹ Lợi	4	4.384	
13	Xã Mỹ Thành	4	4.384	
14	Xã Mỹ Đức	4	4.384	
15	Xã Mỹ Thắng	4	4.384	
16	Xã Mỹ An	4	4.384	
IX	Huyện Hoài Ân		38.360	
1	Xã Ân Thạnh	1	1.096	UBND huyện Hoài Ân
2	Xã Ân Phong	1	1.096	
3	Xã Ân Tường Tây	1	1.096	
4	Xã Ân Đức	1	1.096	
5	Xã Ân Hào Đông	1	1.096	
6	Xã Ân Tín	1	1.096	
7	Xã Ân Mỹ	1	1.096	
8	Xã Ân Hào Tây	4	4.384	
9	Xã Ân Tường Đông	4	4.384	
10	Xã Ân Nghĩa	4	4.384	
11	Xã Ân Hữu	4	4.384	
12	Xã Ân Sơn	4	4.384	
13	Xã Đăk Mang	4	4.384	
14	Xã Bok Tới	4	4.384	
X	Huyện Hoài Nhơn		16.440	
1	Xã Tam Quan Bắc	1	1.096	UBND huyện Hoài Nhơn
2	Xã Hoài Châu	1	1.096	
3	Xã Hoài Hương	1	1.096	
4	Xã Hoài Sơn	1	1.096	
5	Xã Hoài Châu Bắc	1	1.096	
6	Xã Hoài Thanh	1	1.096	
7	Xã Tam Quan Nam	1	1.096	
8	Xã Hoài Tân	1	1.096	

9	Xã Hoài Thanh Tây	1	1.096	
10	Xã Hoài Hào	1	1.096	
11	Xã Hoài Phú	1	1.096	
12	Xã Hoài Xuân	1	1.096	
13	Xã Hoài Mỹ	1	1.096	
14	Xã Hoài Hải	1	1.096	
15	Xã Hoài Đức	1	1.096	
XI	Huyện An Lão		35.098	
1	Xã An Hòa	4	4.384	UBND huyện An Lão
2	Xã An Tân	4	4.384	
3	Xã An Trung	4	4.384	
4	Xã An Hưng	4	4.384	
5	Xã An Quang	4	4.384	
6	Xã An Vinh	4	4.384	
7	Xã An Nghĩa	4	4.384	
8	Xã An Toàn	4	4.410	